

Số: 185/QĐ-NXBGDVN

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng
Gói thầu 02 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2026 - 2027 nhập tại kho Đà Nẵng
thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ
năm học 2026-2027 thuộc Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2026-2027

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội (được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-NXBGDVN ngày 12/01/2026 của Tổng Giám đốc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam về việc phê duyệt Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2026 - 2027;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-NXBGDVN ngày 16/01/2026 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2026 - 2027;

Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-NXBGDVN ngày 27/01/2026 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu: Gói thầu 02 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2026 - 2027 nhập tại kho Đà Nẵng;

Căn cứ Báo cáo số 0303.01/BC-TCG-TT ngày 03/3/2026 của Tổ chuyên gia Công ty Cổ phần Tư vấn Thiên Thành về việc đánh giá E-HSDT gói thầu: Gói thầu 02 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2026 - 2027 nhập tại kho Đà Nẵng;

Căn cứ Biên bản đối chiếu tài liệu gói thầu: Gói thầu 02 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2026 - 2027 nhập tại kho Đà Nẵng số 46/BBĐCTL-NXBGDVN ngày 06/3/2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 07-11/2026/BCTĐ-CNC.TL ngày 12/3/2026 của Tổ thẩm định Công ty Cổ phần Coninco - Thăng Long về việc thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Gói thầu 02 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2026 - 2027 nhập tại kho Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐTV ngày 17/3/2026 của Hội đồng thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu 02 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2026 - 2027 nhập tại kho Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: Gói thầu 02 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2026 - 2027 nhập tại kho Đà Nẵng thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2026 - 2027, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600028093
- Tên gói thầu: Gói thầu 02 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2026 - 2027 nhập tại kho Đà Nẵng.
- Giá gói thầu: **172.873.994.545** đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai tỉ, tám trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm chín mươi tư nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng*).
- Tên Chủ đầu tư: Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, thực hiện qua mạng.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu: Theo Phụ lục 1 đính kèm Quyết định này.

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu: Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao các ban: Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Kiểm toán nội bộ và Pháp chế, Tài chính - Kế toán, Công nghệ thông tin, Quản lý xuất bản, Thư ký biên tập và Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng và các công việc có liên quan theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng ban: Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Tài chính - Kế toán, Công nghệ thông tin, Quản lý xuất bản, Phó Trưởng ban phụ trách ban: Kiểm toán nội bộ và Pháp chế, Thư ký biên tập, Giám đốc Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- HĐTV, TGD, TBKS;
- Tổ giám sát theo QĐ số 74/QĐ-NXBGDVN ngày 23/01/2026;
- Website: muasamcong.mpi.gov.vn;
- P-Office, website: nxbgd.vn;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Thanh

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU TRÚNG THẦU
(Kèm theo Quyết định số 183/QĐ-NXBGDVN ngày 18/3/2026)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	PP2600025352	Phần 01	Liên danh in Nhân Dân Bình Định	4100259476 0402079874 0400101517 4000101277 5900182182 3100133048	13.251.784.100	13.251.784.100	-	-	13.251.784.100	90 ngày	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
2	PP2600025353	Phần 02	Liên danh in Nhân Dân Bình Định	4100259476 0402079874 0400101517 4000101277 5900182182 3100133048	13.295.650.500	13.295.650.500	-	-	13.295.650.500	90 ngày	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
3	PP2600025354	Phần 03	Liên danh in Nhân Dân Bình Định	4100259476 0402079874 0400101517 4000101277 5900182182 3100133048	13.319.856.200	13.319.856.200	-	-	13.319.856.200	90 ngày	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
4	PP2600025355	Phần 04	Liên danh in Nhân Dân Bình Định	4100259476 0402079874 0400101517 4000101277 5900182182 3100133048	13.301.865.100	13.301.865.100	-	-	13.301.865.100	90 ngày	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
5	PP2600025356	Phần 05	Liên danh in Nhân Dân Bình Định	4100259476 0402079874 0400101517 4000101277 5900182182 3100133048	13.162.492.200	13.162.492.200	-	-	13.162.492.200	90 ngày	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
6	PP2600025357	Phần 06	Liên danh in Nhân Dân Bình Định	4100259476 0402079874 0400101517 4000101277 5900182182 3100133048	13.374.908.700	13.374.908.700	-	-	13.374.908.700	90 ngày	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
7	PP2600025358	Phần 07	Liên danh in Nhân Dân Bình Định	4100259476 0402079874 0400101517 4000101277 5900182182 3100133048	13.353.464.200	13.353.464.200	-	-	13.353.464.200	90 ngày	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
8	PP2600025359	Phần 08	Liên danh in Nhân Dân Bình Định	4100259476 0402079874 0400101517 4000101277 5900182182 3100133048	13.237.879.100	13.237.879.100	-	-	13.237.879.100	90 ngày	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
9	PP2600025360	Phần 09	Liên danh in Nhân Dân Bình Định	4100259476 0402079874 0400101517 4000101277 5900182182 3100133048	13.241.551.900	13.241.551.900	-	-	13.241.551.900	90 ngày	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
10	PP2600025361	Phần 10	Liên danh in Nhân Dân Bình Định	4100259476 0402079874 0400101517 4000101277 5900182182 3100133048	13.528.322.000	13.528.322.000	-	-	13.528.322.000	90 ngày	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
11	PP2600025362	Phần 11	Liên danh in Nhân Dân Bình Định	4100259476 0402079874 0400101517 4000101277 5900182182 3100133048	13.278.248.500	13.278.248.500	-	-	13.278.248.500	90 ngày	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
12	PP2600025363	Phần 12	Liên danh in Nhân Dân Bình Định	4100259476 0402079874 0400101517 4000101277 5900182182 3100133048	13.365.277.300	13.365.277.300	-	-	13.365.277.300	90 ngày	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
13	PP2600025364	Phần 13	Liên danh in Nhân Dân Bình Định	4100259476 0402079874 0400101517 4000101277 5900182182 3100133048	12.350.308.900	12.350.308.900	-	-	12.350.308.900	90 ngày	150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	